

Bản án số: 15/2025/KDTM-ST

Ngày 20 - 01 - 2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Thiện và bà Hoàng Thị Thoan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Minh Quân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sáng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2024/TLST-KDTM ngày 29/01/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 349/2024/QĐ-ST ngày 01 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng N; địa chỉ: Số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Tổng Giám đốc; người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hoàng Đăng K - Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh huyện Q, Bắc Q; đại diện được uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Tiến H - Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát Nông Việt N1 chi nhánh huyện Q; địa chỉ: Số C Q, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; ông Nguyễn Tiến H có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị V1, sinh năm 1977; nơi cư trú: tổ dân phố D, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; hiện bà Nguyễn Thị V1 đã xuất cảnh ra nước ngoài; ông T và bà V1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn - Ngân hàng N trình bày:

Ông Nguyễn Quốc T và bà Nguyễn Thị V1 là H1 kinh doanh được Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã ba Đồn, tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số: 29H80002405 ngày 15/02/2022. Ông T, bà V1 đã giao dịch vay vốn tại Ngân hàng N chi nhánh huyện Q, Bắc Quảng B (viết tắt là Ngân hàng) như sau:

Theo Hợp tín dụng số 3804-LAV-202200726 ngày 16/02/2022; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 3804-LAV-202200726/SĐBS.01 ngày 05/07/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 3804-LAV-202200726/SĐBS.02 ngày 07/09/2022 ký giữa Ngân hàng và bà Nguyễn Thị V1 (ông Nguyễn Quốc T uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị V1 ký hợp đồng với Ngân hàng) thì ông T, bà V1 vay số tiền 4.500.000.000 đồng. Mục đích vay vốn: bổ sung vốn kinh doanh thủy hải sản, bù

đắp tài chính đối với các khoản vốn đã sử dụng để kinh doanh thủy hải sản không quá 06 (sáu) tháng và các chi phí khác theo phương án sử dụng vốn của khách hàng. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 16/02/2022. Kỳ hạn trả nợ gốc: 19/10/2023.

Để đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trên, ông Nguyễn Quốc T và bà Nguyễn Thị V1 đã ký kết các Hợp đồng thế chấp sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 22003/HĐTC ngày 11/02/2022, tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 1474, tờ bản đồ số 16, diện tích 120m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số: DĐ 223102, số vào sổ cấp GCN: CS07004 do Sở T1 cấp ngày 07/01/2022 do ông Nguyễn Quốc T và bà Nguyễn Thị V1 đứng tên.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 22004/HĐTC ngày 11/02/2022, tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 1528, tờ bản đồ số 16, diện tích 157m² theo GCNQSDĐ số: DĐ 223129, số vào sổ cấp GCN: CS07026 do Sở T1 cấp ngày 07/01/2022 do ông Nguyễn Quốc T và bà Nguyễn Thị V1 đứng tên.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 22005/HĐTC ngày 11/02/2022, tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 716, tờ bản đồ số 15, diện tích 164m² theo GCNQSDĐ số: CB 119680, số vào sổ cấp GCN: CHO3450 do Ủy ban nhân dân thị xã B cấp ngày 31/12/2015 do ông Nguyễn Quốc T và bà Nguyễn Thị V1 đứng tên.

Các Hợp đồng tín dụng nói trên đều đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản, đến ngày 11/8/2023, bà V1 có khoản nợ quá hạn trên 90 ngày, chuyển nợ nhóm 03 (nợ xấu). Đến ngày 19/10/2023, số nợ bà V1, ông T phải trả là 4.876.027.398 đồng, trong đó: nợ gốc là 4.500.000.000 đồng, nợ lãi 376.027.398 đồng. Như vậy, bà V1, ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền vay ghi tại Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết. Phía Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nợ quá hạn, yêu cầu bà V1, ông T thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thông báo xử lý tài sản thế chấp nhưng bà V1, ông T trốn tránh, không hợp tác. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà V1, ông T thanh toán các khoản nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/01/2025), bà Nguyễn Thị V1, ông Nguyễn Quốc T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 5.736.121.712 đồng, trong đó, nợ gốc 4.500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 941.917.808 đồng, số tiền lãi phạt quá hạn 282.945.205 đồng, số tiền phí chậm trả lãi trong hạn 11.258.698 đồng. Đồng thời, buộc ông T, bà V1 tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến ngày thực tế ông bà trả hết nợ gốc cho Ngân hàng.

Trường hợp ông Nguyễn Quốc T, bà Nguyễn Thị V1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm mà ông T, bà V1 đã thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo các Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết ngày 11/02/2022.

Về phía bị đơn - ông Nguyễn Quốc T và bà Nguyễn Thị V1: Theo kết quả xác minh của Công an phường Q, thị xã B thì ông Nguyễn Quốc T và bà Nguyễn Thị V1 có đăng ký cư trú tại tổ dân phố D, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, nhưng hiện nay chỉ có ông T có mặt tại nơi cư trú, còn bà V1 không có mặt tại nơi cư trú, không biết đi đâu làm gì. Tại Công văn số: 52/CV-QLXNC ngày 03/01/2024 của Phòng Quản lý xuất, nhập cảnh Công an tỉnh Q xác định bà Nguyễn Thị V1 đã xuất cảnh ra nước

ngoài, chưa có thông tin nhập cảnh. Tòa án đã gửi giấy triệu tập nhiều lần đối với ông Nguyễn Quốc T, tuy nhiên, ông T luôn vắng mặt và không hợp tác. Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án tại nơi cư trú của ông Nguyễn Quốc T và bà Nguyễn Thị V1 và tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, đồng thời làm thủ tục đăng tin thông báo về việc giải quyết vụ án trên kênh H3 VOV5 và đã phát vào các ngày 24, 25, 26/10/2024. Tuy nhiên, cho đến nay phía bị đơn - ông Nguyễn Quốc T và bà Nguyễn Thị V1 vẫn không có ý kiến phản hồi.

Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với các tài sản thế chấp của ông T, bà V1 bao gồm: Thửa đất số 1528, tờ bản đồ số 16; địa chỉ: tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; Thửa đất số 1474, tờ bản đồ số 16; địa chỉ: tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; Thửa đất số 716, tờ bản đồ số 15; địa chỉ: tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Kết quả thẩm định, xem xét tại chỗ cho thấy các thửa đất đều nguyên trạng, không có tranh chấp, không có thay đổi về kích thước, không có công trình, vật kiến trúc trên các thửa đất.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Phía bị đơn - ông Nguyễn Quốc T và bà Nguyễn Thị V1 vắng mặt tại nơi cư trú được coi là trường hợp đương sự thay đổi nơi cư trú, làm việc gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch Hợp đồng mà không thông báo cho phía Ngân hàng biết về nơi cư trú, làm việc mới. Đây được coi là trường hợp đương sự cố tình giấu địa chỉ, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông Nguyễn Quốc T và bà Nguyễn Thị V1 phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 20/01/2025 là 5.736.121.712 đồng, trong đó: nợ gốc là 4.500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 941.917.808 đồng, tiền lãi phạt quá hạn 282.945.205 đồng, tiền phí chậm trả lãi trong hạn 11.258.698 đồng. Đồng thời, buộc ông T, bà V1 tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến ngày thực tế ông bà trả hết nợ gốc cho Ngân hàng.

Trường hợp ông Nguyễn Quốc T và bà Nguyễn Thị V1 không trả nợ hoặc trả nợ không đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Ông Nguyễn Quốc T và bà Nguyễn Thị V1 phải chịu các chi phí tố tụng và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn - bà Nguyễn Thị V1 đã xuất cảnh ra nước ngoài trước khi Ngân hàng khởi kiện, vì vậy, đây là vụ án có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án đối với bị đơn nhưng không có thông tin phản hồi. Tòa án cũng đã đăng tin thông báo về việc giải quyết vụ án trên kênh H3 VOV5 và đã phát vào các ngày 24, 25, 26/10/2024 theo quy định tại Điều 474, Điều 475 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên

tòa bị đơn tiếp tục vắng mặt mặc dù Toà án đã tổng đạt hợp lệ lần thứ hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227 và khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì từ ngày 16/02/2022 giữa Ngân hàng và bà Nguyễn Thị V1 (bà V1 được ông T uỷ quyền ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng) đã ký kết các Hợp đồng tín dụng số: 3804/LAV-202200726 ngày 16/02/2022; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 3804/LAV- 202200726/SĐBS.01 ngày 05/7/2022 và H2 đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 3804-LAV-202200726/SĐBS.02 ngày 07/9/2022 với số tiền vay vốn 4.500.000.000 đồng. Qua xem xét thấy, các Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, có nội dung và hình thức đúng quy định pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng

Quá trình sử dụng vốn vay của Ngân hàng, ông T và bà V1 đã không thực hiện đúng các cam kết tại các Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng. Cụ thể, ông T và bà V1 đã vi phạm điểm i khoản 1 Điều 8 của Hợp đồng tín dụng số: 3804-LAV-202200726 vì đã để nợ quá hạn đối với khoản nợ gốc và chậm trả lãi từ trước đến ngày 13/05/2024. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (20/01/2025) ông Nguyễn Quốc T và bà Nguyễn Thị V1 còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 5.736.121.712 đồng, trong đó: nợ gốc là 4.500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 941.917.808 đồng, tiền lãi phạt quá hạn 282.945.205 đồng, tiền phí chậm trả lãi 11.258.698 đồng. Trước khi khởi kiện đến Toà án, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở, đôn đốc ông T và bà V1 trả nợ, tuy nhiên, ông T và bà V1 không hợp tác mà bà V1 còn tự ý xuất cảnh ra nước ngoài không thông báo cho Ngân hàng biết. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc ông Nguyễn Quốc T và bà Nguyễn Thị V1 phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ trên là có căn cứ cần chấp nhận.

[3]. Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử xét thấy: Các Hợp đồng thế chấp tài sản số: 22003/HĐTC ngày 11/02/2022; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 22004/HĐTC ngày 11/02/2022; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 22005/HĐTC ngày 11/02/2022 đã ký kết giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Quốc T và bà Nguyễn Thị V1 về hình thức và nội dung đúng quy định của pháp luật, đều đã được công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên ký kết.

Theo kết quả xem xét thẩm định chỗ của Tòa án thể hiện tài sản thế chấp là quyền sử dụng các thửa đất tại Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết giữa Ngân hàng với ông T và bà V1 đều có trên thực tế, thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bên thế chấp, trên các thửa đất không có công trình hoặc các vật kiến trúc xây dựng và hiện tại không có tranh chấp với ai. Vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng về trường hợp ông Nguyễn Quốc T và bà Nguyễn Thị V1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay là có căn cứ.

[4]. Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án đã chi cho việc xem xét thẩm định tại chỗ, đăng tin hết 16.000.000 đồng (tiền thẩm định 11.700.000 đồng, tiền đăng tin 2.250.000 đồng, tiền thuê xe thẩm định và xác minh 2.000.000 đồng), nguyên đơn đã nộp 20.000.000 đồng, trả lại cho nguyên đơn 4.000.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải hoàn trả số tiền 16.000.000 đồng cho nguyên đơn.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 154, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 474, điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 40, Điều 117, Điều 119, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 100 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc ông Nguyễn Quốc T và bà Nguyễn Thị V1 phải trả cho Ngân hàng N đến ngày 20/01/2025 (ngày xét xử sơ thẩm) số tiền 5.736.121.712 đồng (năm tỷ bảy trăm ba mươi sáu triệu một trăm hai mươi một nghìn bảy trăm mười hai đồng), trong đó: số tiền gốc là 4.500.000.000 đồng (bốn tỷ năm trăm triệu đồng), số tiền lãi trong hạn 941.917.808 đồng (chín trăm bốn mươi một triệu chín trăm mười bảy nghìn tám trăm linh tám đồng), số tiền lãi phạt quá hạn 282.945.205 đồng (hai trăm tám mươi hai triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm linh năm đồng), và số tiền phí chậm trả lãi 11.258.698 đồng (mười một triệu hai trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/01/2025), cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp tín dụng số: 3804/LAV-202200726 ngày 16/02/2022; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 3804/LAV-202200726/SĐBS.01 ngày 05/7/2022 và Hợp sửa đổi, bổ sung Hợp tín dụng số: 3804-LAV-202200726/SĐBS.02 ngày 07/9/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trong trường hợp ông Nguyễn Quốc T và bà Nguyễn Thị V1 không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp tài sản, gồm:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 22003/HĐTC ngày 11/02/2022, tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 1474, tờ bản đồ số 16, diện tích 120m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số; ĐĐ 223102, số vào sổ cấp GCN: CS07004 do Sở T1 cấp ngày 07/01/2022 do ông Nguyễn Quốc T và bà Nguyễn Thị V1 đứng tên.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 22004/HĐTC ngày 11/02/2022, tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 1528, tờ bản đồ số 16, diện tích 157m² theo GCNQSDĐ số: ĐĐ 223129, số vào sổ cấp GCN: CS07026 do Sở T1 cấp ngày 07/01/2022 do ông Nguyễn Quốc T và bà Nguyễn Thị V1 đứng tên.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 22005/HĐTC ngày 11/02/2022, tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 716, tờ bản đồ số 15, diện tích 164m² theo GCNQSDĐ số: CB 119680, số vào sổ cấp GCN: CHO3450 do Ủy ban nhân dân thị xã B cấp ngày 31/12/2015 do ông Nguyễn Quốc T và bà Nguyễn Thị V1 đứng tên.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Quốc T và bà Nguyễn Thị V1 phải chịu chi phí tố tụng 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng). Ngân hàng N2 đã nộp tạm ứng số tiền chi phí tố tụng 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), đã chi phí 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng), đã trả lại cho Ngân hàng N1 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) nên buộc ông Nguyễn Quốc T và bà Nguyễn Thị V1 phải hoàn trả số tiền 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng) cho Ngân hàng N1.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Quốc T và bà Nguyễn Thị V1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền: 113.736.121 đồng (một trăm mười ba triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn một trăm hai mươi một đồng).

Trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí 56.438.000 đồng (năm mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003696 ngày 20/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

5. Quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xử công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Nguyễn Quốc T quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Bà Nguyễn Thị V1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu